

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23 tháng 6 năm 2020

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Trường

2. Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuận- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/6/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1981.

ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Thôn C xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970.

Cư trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2019, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn ngày 13/8/2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi cưới chị và anh Đ chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ban đầu là mâu thuẫn giữa chị với con riêng của anh Đ sau

đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và do kinh tế gia đình khó khăn. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở từ ngày 23/8/2019 và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 24/8/2015. Hiện nay cháu H đang ở với anh Đ. Cháu H ở với anh Đ từ ngày 23/8/2019 đến nay. Cháu H đang đi học, hàng ngày con riêng của anh Đ vẫn đưa đón cháu H đi học. Cháu H hiện nay vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường. Từ khi vợ chồng ly thân thì chị vẫn đến đón con về nhà chị chơi những lúc anh Đ không có ở nhà. Việc đóng tiền ăn cho cháu hàng tháng do cả chị và anh Đ thay nhau đóng, phần lớn là do anh Đ đóng. Chị vẫn mua quần áo và sữa cho con. Khi chị đi khỏi nhà anh Đ, chị có yêu cầu được mang cháu H đi theo nhưng anh Đ không đồng ý. Trường hợp vợ chồng ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm công nhân may, làm giờ hành chính, không phải làm ca kíp. Thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Chị có thu nhập và chỗ ở ổn định. Chị không có tài liệu gì chứng minh thu nhập của mình. Chị không đồng ý để anh Đ nuôi dưỡng con chung vì anh Đ thường xuyên phải đi làm xa, không thể trực tiếp chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Anh Đ trình bày: Anh và chị Trần Thị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H. Vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó chị T tự bỏ nhà đi từ ngày 23/8/2019. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh Đ ý. Anh đề nghị Tòa án giải quyết ngay cho anh và chị T mà không cần phải hòa giải nhiều lần.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 24/8/2015. Hiện nay cháu đang ở với anh, cháu H ở với anh từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Hiện nay anh đang gửi cháu ở trường mầm non thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Cháu vẫn khỏe mạnh phát triển bình thường. Hiện tại anh đi làm ở xa nên có nhờ con trai (con riêng của anh), con dâu đưa đón cháu H đi học và chăm sóc cháu hàng ngày. Trong thời gian vợ chồng ly thân thì chị T vẫn về thăm cháu H, mua quần áo và sữa cho cháu H. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh làm nghề nuôi trồng thủy sản và làm thợ xây. Anh đang làm thợ xây ở Lạng Sơn từ tháng 2/2020 đến nay. Thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Anh có thu nhập và chỗ ở ổn định. Anh không có giấy tờ gì chứng minh thu nhập của mình. Lý do anh không đồng ý để chị T nuôi dưỡng con chung vì chị T không đủ khả năng về

kinh tế để nuôi dưỡng con chung, chị T phải nuôi thêm một người con riêng vẫn đang tuổi ăn học.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Do điều kiện công việc đi làm ở xa, anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 24/8/2015 cho chị Trần Thị T nuôi dưỡng.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0003632 ngày 03/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với anh Đ.

[2]- Về quan hệ tình cảm: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn ngày 13/8/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn

nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn anh Đ (Theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình).

[3]- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 24/8/2015. Cả chị T và anh Đ đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn. Xét về thu nhập và chỗ ở, theo lời trình bày của chị T và anh Đ thì xác định cả chị T và anh Đ đều có thu nhập và có chỗ ở ổn định. Xét về điều kiện thời gian để trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì thấy: Do đặc thù công việc nên anh Đ thường xuyên phải đi làm ở xa, việc chăm sóc cháu H là do con trai và con dâu của anh Đ đảm nhiệm. Còn chị T làm giờ hành chính, không phải làm ca kíp nên có thời gian để chăm sóc nuôi dưỡng con. Hơn nữa, con chung tuổi vẫn còn nhỏ, cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ để đảm bảo cho cháu có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ và cần được chấp nhận, cần giao con chung là Nguyễn Thị Thu Hiền cho chị Trần Thị T nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4]- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Cả chị T và anh Đ xác định không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]- Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.
2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 24/8/2015 cho chị Trần Thị T nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0003632 ngày 03/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
 - CCTHADS huyện H;
 - TAND tỉnh Bắc Giang;
 - Các đương sự;
 - UBND xã T, huyện .
- H, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Chuyên